TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày:22/5/2018
V/v:Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Tâm -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Vang -Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2018/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn :

Bà Dương Thị T, sinh năm: 1961. (Có mặt).

Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1964.(Đã chết).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn T là bà Dương Thị T, sinh năm: 1961; chị Phạm Thị Thanh N1, sinh năm: 1989;chị Phạm Thị Thanh N2, sinh năm: 1993; anh Phạm Dương P, sinh năm: 1996; anh Phạm Dương Đ, sinh năm: 1999.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm: 1962. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước,

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Mai Thị N- Luật sư ông Dương Ngô H, sinh năm:1976. (Có mặt).

Địa chỉ: 26/9A đường số 12, khu phố 4, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh - Thuộc Văn phòng luật sư H, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Số 416, quốc lộ 14, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1957.(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Chị Phạm Thị Thanh N1, sinh năm: 1989. (Có đơn xin vắng mặt).
Chị Phạm Thị Thanh N2, sinh năm:1993. (Có đơn xin vắng mặt).
Anh Phạm Dương P, sinh năm: 1996. (Có đơn xin vắng mặt).
Anh Phạm Dương Đ, sinh năm: 1999.(Có đơn xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
5. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Mai Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị T và ông Phạm Văn T trình bày :*Gia đình ông, bà có thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước ông, bà đã sử dụng ổn định từ năm 1995 đến ngày 28/12/2006 được UBND huyện B cấp Giấy CNQSD đất đứng tên hộ ông Phạm Văn T và bà Dương Thị T với tổng diện tích 3890m^2, chiều ngang mặt tiền giáp đường ĐT 759B có chiều dài 21,9m nhưng thực tế ông, bà sử dụng khoảng 21m. Bà cho rằng hộ nhà bà Mai Thị N giáp ranh đất nhà ông, bà đã sử dụng lấn sang đất của bà khoảng hơn 0,9m chiều ngang, kéo dọc bên ranh đất phía giáp ranh bà Mai Thị Ncó chiều dài 83,25m. Việc lấn chiếm này xảy ra từ đầu năm 2015 khi vợ, chồng ông bà xây hàng rào thì bà Mai Thị N không cho xây.Bà Mai Thị N cho rằng đất của vợ chồng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T chỉ có 21 m mà thôi. Gia đình bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T đã có đơn ra xã nhưng vụ việc không được giải quyết triệt để. Nên ông, bà làm đơn khởi kiện ra Tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị N phải trả lại toàn bộ diện tích đất mà bà Mai Thị N đã lấn chiếm của ông, bà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T chỉ yêu cầu lấy đủ phần diện tích của ông, bà đã nhận chuyển nhượng là 21,5m ngang đường ĐT 759 B. Phần dư 40cm không phải đất của ông, bà vì vậy ông, bà không yêu cầu.Ngoài ra, bà không tranh chấp tài sản trên đất và cũng không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Thị N trình bày: Diện tích đất hiện gia đình bà đang sử dụng canh tác là có nguồn gốc từ năm 1994, do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P là bố mẹ nuôi của bà Mai Thị N tặng cho theo tờ di chúc được lập ngày 20/12/1994. Đến năm 2011 bà được cấp giấy CNQSD đất số 00548 cấp ngày 21/12/2011 mang tên bà Mai Thị N có diện tích ngang mặt tiền là 10.01m, ngang hậu 10m x dài 180m. Tổng diện tích là 830.1m^2. Bà Mai Thị N không đồng ý với lời trình bày của vợ chồng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T. Không thừa nhận có sử dụng lấn sang đất của bà Dương Thị T,ông Phạm Văn T với lý do: Năm 1995 ông, bà mua của ông Lê Văn N 11m, năm 1998 mua của ông Nguyễn Văn T là 10m mặt tiền đường ĐT 759B tổng cộng vợ chồng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T mua của hai hộ trên là 21m ngang mặt tiền ĐT759B. Bà Mai Thị N cho rằng hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T có chiều ngang mặt tiền ĐT759B 21.94m dư so với đất của ông, bà mua là do ông, bà lấn sang đất của bà Mai Thị N 94cm, mặt hậu khoảng 30cm x dài 180m.

Bà Mai Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T phải trả cho bà Mai Thị N diện tích đất nêu trên. Vì diện tích thực tế của vợ chồng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T hiện đang sử dụng chiều ngang mặt đường ĐT 759B dư là 94 cm ngang hậu dư 30cm so với GCNQSDĐ, bà Mai Thị N cho rằng diện tích đất dư nói trên là đất của cha mẹ nuôi bà để lại. Vì vậy bà Mai Thị N yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T phải trả cho bà phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày: Ông và bà Mai Thị N tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2005. Khi về sống chung với bà Mai Thị N thì ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T đã mua thửa đất này rồi nên việc mua bán giữa các bên ông không chứng kiến. Việc bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T khởi kiện bà Mai Thị N về việc lấn chiếm đất không liên quan gì đến ông. Vì vậy, ông không có yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Thanh N1; chị Phạm Thị Thanh N2; anh Phạm Dương P; anh Phạm Dương Đ đều là con ruột của bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T trình bày:*Việc tranh chấp đất giữa bố mẹ các anh, chị là bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T với bà Mai Thị N là việc của người lớn, không liên quan gì đến các anh, chị. Trong vụ án này các anh chị không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Phạm Văn B trình bày: Vào ngày 10/7/1995 ông thừa nhận có ký vào giấy tờ mua bán đất giữa ông Lê Văn N và ông Nguyễn Hồng T (anh của ông Phạm Văn T) và có ký vào giấy cam kết ranh giới đất ngày 20/10/2015 là ông chỉ nghe đọc ông Nguyễn Hồng T mua của ông Lê Văn N là 11m mặt tiền đường ĐT 759B và nghe đọc trong tờ giấy cam kết ranh giới đất bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T là 21m thì ông ký tên, ông Bảy không đọc lại biên bản và cho rằng bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T đã tự ý viết thêm dấu phẩy và số 5 vào phía sau chữ số 21m trong giấy tờ mua bán đất nêu trên. Ông Phạm Văn B cam kết là chỉ bán cho ông Lê Văn N là 21m. Vì vậy, tổng cộng diện tích đất mặt tiền đường ĐT 759B của gia đình ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T chỉ có 21m chứ không phải 21,5m theo lời trình bày của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bđã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ranh giới Quyền sử dụng đất" của đồng nguyên đơn bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T với bị đơn bà Mai Thị N.

Buộc bà Mai Thị N có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị T và ông Phạm Văn T diện tích đất 49.8m^{2}mà bà đang sử dụng lấn chiếm của bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T (đã trừ hành lang lộ giới), đất nằm trong tổng diện tích 3890m^2, thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện B cấp Giấy CNQSD đất số 00638ngày28/12/2006, tên hộ bà Dương Thị T và ông Phạm Văn T.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng khác, biện pháp đảm bảo thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017, bị đơn bà Mai Thị Ncó đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộBản án sơ thẩm vì Tòa cấp sơ thẩm chỉ chú trọng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp để giải quyết là thiếu khách quan gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Mai Thị N.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà Mai Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị N sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị N thấy rằng:

[1] Diện tích đất của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị Tcó nguồn gốc là do ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn N vào năm 1995 có chiều ngang mặt tiền đường 11,5 m, chiều dài hết đất khoảng 180m,khi sang nhượng có lập giấy viết tay.Tuy nhiên, thời gian đó bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T đang sinh sống ở Bình Dương nên nhờ ông Nguyễn Hồng T (là bạn của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T) đứng tên trong giấy sang nhượng viết tay. Thời điểm ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn N thì phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.Đến năm 1998, ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T nhận chuyển nhượng thêm phần diện tích đất liền kềcó chiều ngang 10m mặt đường với giá 40 chỉ vàng 24K của ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 28/12/2006, hộ ông Phạm Văn T,bà Dương Thị T gộp hai diện tích đất nêu trên làm một và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào sổ cấp số 00638/QSDĐ/1163/QĐ-UB với tổng diện tích là 3890m^2, chiều ngang mặt đường 21,9m.

[2] Diện tích đất của bà Mai Thị N có nguồn gốc làđất của ông Nguyễn Văn T,cha nuôi của bà Mai Thị N. Diện tích đất này đã được UBND huyện Bcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00504/QSDĐ/560/QĐ-UBcho ông Nguyễn Văn Tvới diện tích 760m^{2}với chiều ngang mặt đường là 10m. Sau khi ông Nguyễn Văn T chết (năm 2010) bà Mai Thị N được thừa kế toàn bộ diện tích đất 760m^2 này của ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 21/12/2011, bà Mai Thị N được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp

CH 00548 với diện tích là 830.1m^2, trong đó có chiều ngang mặt tiền là 10.01m, ngang hậu 10m, chiều dài 180m.

[3] Bà Mai Thị N trình bày bà tranh chấp với ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T là căn cứ vào lời nói của ông Phạm Văn B cho rằng trước đây ông chỉ bán cho ông Lê Văn N diện tích đất có chiều ngang mặt đường là 21m nên năm 1995 ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T chỉ mua của ông Lê Văn N 11m chứ không phải 11,5m như ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại giấy sang nhượng viết tay ngày 10/7/1995 thể hiện nội dung "*Tôi là Lê Văn N….nhượng phần đất lại cho anh Nguyễn Hồng T cùng địa chỉ trên đất trục lộ 14 đông giáp anh Phạm Văn B, phía tây giáp ông Nguyễn Văn Tdiện tích 2 sào ngang 11,5m, dài 180m…"* có chữ ký của hai bên và ông Phạm Văn B ký tên với tư cách là người làm chứng. Tại biên bản cam kết ranh giới đất ngày 20/10/2015 với nội dung ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T, bà Mai Thị N thống nhất diện tích đất của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T có chiều ngang mặt tiền đường là 21,5m cả Ông Phạm Văn B, bà Mai Thị N cùng ký tên. Ngoài ra, Ông Phạm Văn B, bà Mai Thị N không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh nên lời trình bày của bà Mai Thị N, Ông Phạm Văn B không có cơ sở.

[4] Ngoài ra, theo kết quả đo đạc ngày 14/7/2017 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2017 của TAND huyện B thì phần diện tích đất tranh chấp có chiều ngang mặt đường là 01m, chiều ngang mặt sau 0,2m, tổng diện tích là 49,8m^2 (đã trừ hành lang lộ giới). Phần diện tích này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T. Hơn nữa, ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T vào năm 1998, đến năm 2005, ông Nguyễn Văn T được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 760m^2 trong đó có chiều ngang mặt đường là 10m. Từ thời điểm chuyển nhượng tới khi ông Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 và ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 thì các bên không có tranh chấp. Năm 2010 ông Nguyễn Văn T chết, bà Mai Thị N được thừa kế toàn bộ diện tích đất này của ông Nguyễn Văn T và năm 2011, bà Mai Thị N cũng được UBND huyện B cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CH 00548 có diện tích là 830.1m^2, trong đó có chiều ngang mặt tiền là 10.01m, ngang hậu 10m, chiều dài 180m (Tăng 90,1m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T) thì bà Mai Thị N cũng không có ý kiến hoặc có tranh chấp gì với hộ ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T và các bên sử dụng đất với ranh giới ổn định. Mặt khác,phần diện tích đất 49,8m^{2}mà các bên đang tranh chấp từ trước đến nay đều do ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T quản lý, sử dụng chứ bà Mai Thị N không quản lý, sử dụng. Do đó, bà Mai Thị Ncho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T có chiều ngang mặt tiền ĐT759B là 21.94m dư so với đất của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T mua nên ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T đã lấn sang đất của bà Mai Thị N 94cm là không có căn cứ.

[5] Như đã phân tích ở trên, phần diện tích đất các bên tranh chấp 49,8m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T do ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T quản lý sử dụng từ trước cho tới nay chứ không phải bà Mai Thị N lấn chiếm của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T để quản lý, sử dụng nên việc ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T khởi kiện buộc bà Mai Thị N trả lại phần diện tích này là không cần thiết và không có cơ sở nhưngTòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Mai Thị N phải trả cho bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T diện tích 49.8m^2 là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật. Do đó cần sửa toàn bộBản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị N được chấp nhận một phần.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận một phần.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí sơ thẩm bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Dương Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tiền số 0015504 ngày 23/02/2017.

- Chi phí tố tụng khác:Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích lục hồ sơ cấp đất bà Dương Thị T, chị Phạm Thị Thanh N1, chị Phạm Thị Thanh N2, anh Phạm Dương Đ, anh Phạm Dương P phải chịu là 5.792.438 đồng được khấu trừ vào số tiền 5.792.438 đồng bà Dương Thị Tđã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Mai Thị Nkhông phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị N;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 265 Bộ luật dân sự, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 147, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T, bà Dương Thị T về việc buộc bà Mai Thị N trả lại diện tích đất 49.8m^2.

[2] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí sơ thẩm bà Dương Thị T, ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Dương Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tiền số 0015504 ngày 23/02/2017.

- Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích lục hồ sơ cấp đất bà Dương Thị T, chị Phạm Thị Thanh N1, chị Phạm Thị Thanh N2, anh Phạm Dương Đ, anh Phạm Dương P phải chịu là 5.792.438 đồng được khấu trừ vào số tiền 5.792.438 đồng bà Dương Thị T đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị N không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho bà Mai Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Mai Thị Nđã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016701 ngày 05/11/2017.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Viết Phong (đã ký)